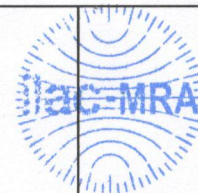


KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



Số: 07/KQ

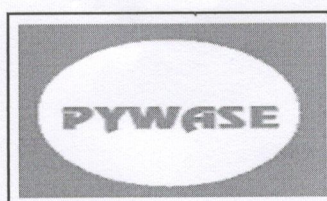
VILAS 746

I./ THÔNG TIN MẪU

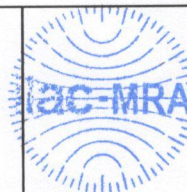
Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	29M ₁ 01/19	Công ty Bia Masan Brewery	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	04/03/2019 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
2	30B08/19	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	04/03/2019 9g30-9g45	
3	30M ₁ 08/19	Hộ dân huyện Phú Hòa			04/03/2019 9g45-10g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
4	31M ₁ 01/19	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	04/03/2019 8g30-8g45	
5	31M ₂ 01/19	8/19 Nguyễn Huệ			04/03/2019 9g00-9g15	Nguyễn Thị Kim Trang
6	31M ₃ 01/19	Khu tái định cư Núi Nhạn			04/03/2019 9g30-9g45	
7	32B01/19	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Nguyễn Thị Kim Trang	04/03/2019 8g00-8g15	Diệp Thị Ngọc Loan

II./ KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				29M ₁ 01/19	30B08/19	30M ₁ 08/19	31M ₁ 01/19
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.94	7.44	7.53	7.02
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.38	0.52	0.48	0.83
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.04	0.02	0.02	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	11.45	18.86	18.19	11.79
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	39.7	55.88	55.88	40.64
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	9.40	1.50	KPH (LOD=1.44)	2.70
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	98	148	127	133
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.70	0.65	0.65	0.90
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10.4	12.0	12.2	10.4
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.51	0.26	0.26	0.51
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53	0.44	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)
BM.KT.02.02		Ban hành lần 02		Ngày ban hành:19/03/2018			



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



VILAS 746

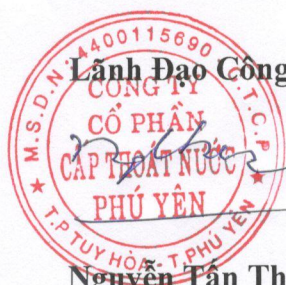
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				31M ₂ 01/19	31M ₃ 01/19	32B01/19	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.95	7.01	7.06	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.92	1.31	0.89	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.02	0.02	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12.12	12.46	12.80	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	40.64	41.14	39.11	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4.00	6.90	3.10	
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	135	131	139	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.85	0.8	0.8	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10.40	10.40	10.80	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.45	0.45	0.45	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	0.44	

Ghi chú: - LOD : Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Bộ Phận Kiểm nghiệm



Nguyễn Tấn Thuận

Phòng Kỹ thuật - Chất lượng

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành:19/03/2018